

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2022/HNGĐ - ST

Ngày 21/7/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Đình Mùi
2. Bà Trần Thanh Thủy

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện V.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Tiến Tân**- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2022/TLST - HNGĐ, ngày 27/4/2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX ST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2022/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, thông báo mở lại phiên tòa số 100/2022/TB-TA ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Xóm t, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh Đoàn Văn T kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V vào ngày 06/10/2017, sau kết hôn vợ chồng sống chung tại Thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái, vợ chồng chung sống đến tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nên vợ chồng thường cãi nhau, đánh nhau, anh T không quan tâm gì đến vợ con. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không cải thiện, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay.

Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Đoàn Văn T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đoàn Đại V, sinh ngày 20/3/2018. Hiện nay cháu V đang sinh sống cùng chị N, khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N cung cấp 01 bảng xác minh thu nhập 6 tháng liền kề năm 2021-2022 của Công ty cổ phần đầu tư thương mại quốc tế M với mức lương 7.279.793 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 16/5/2022 Tòa án nhận được 01 đơn đề nghị gửi qua đường bưu điện của người gửi Đoàn Văn T viết ngày 12/5/2022 với nội dung: *"Tôi là người bị kiện trong vụ án ly hôn với nguyên đơn là Trần Thị N, vụ án được Tòa án nhân dân huyện V tỉnh Yên Bái thụ lý, giải quyết. Tôi nhận được thông báo triệu tập tham dự phiên tòa xét xử giữa tôi và cô Trần Thị N vào ngày 16/5/2022, hiện do công việc rất bận nên không thể trực tiếp tham gia vụ án được. Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án các cấp. Đề nghị Tòa xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, trình bày quan điểm về việc phân chia tài sản chung và quyền nuôi con như sau: Tài sản chung: Không có; Quyền nuôi con: có 01 con trai Đoàn Đại V, sinh ngày 20/3/2018- để cho cô Trần Thị N nuôi", "... vấn đề chu cấp nuôi con do công việc tôi chưa ổn định thu nhập bấp bênh không có khả năng chu cấp nuôi cháu Đoàn Đại V...."*

Tại biên bản xác minh ngày 10/6/2022 ông Đoàn Văn A là bố đẻ của anh Đoàn Văn T cho biết: Chị N và anh T kết hôn năm 2017 về chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T và chị N xảy ra trục trặc tình cảm gia đình hai bên nội, ngoại đã hòa giải, khuyên bảo nhiều nhưng mâu thuẫn không cải thiện được, từ năm 2020 anh, chị không chung sống cùng nhau nữa, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị N hoàn toàn không quan tâm đến cuộc sống của anh T. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa căn cứ vào tình trạng hôn nhân giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, anh chị N Toàn có 01 con chung tên là Đoàn Đại V, sinh năm 2018, từ thời điểm anh, chị sống ly thân, con chung ở với chị N. Ông An được nghe anh T nói lại là đồng ý để chị N nuôi con, do kinh tế khó khăn nên anh T cũng không thể cấp dưỡng nuôi con, gia đình thường xuyên liên lạc với anh T qua số điện thoại 0983..xxxxxx

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Đoàn Văn T; về con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn

Đại V, anh Đoàn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Đoàn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh T, ngày 16/5/2022 Tòa án nhận được 01 đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi tên người làm đơn Đoàn Văn T, tuy nhiên đơn đề nghị không có xác nhận của chính quyền địa phương, để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn Tòa án đã hoãn phiên tòa xét xử ngày 28/6/2022. Tại phiên tòa hôm nay anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Chị Trần Thị N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị N và anh Đoàn Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Đoàn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 06/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đoàn Văn T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của chị N vợ chồng chị chung sống đến tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Tại biên bản xác minh với ông Đoàn Văn An là bố đẻ anh T đều xác định trong quá trình sống chung chị N và anh T có nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhiều nhưng không cải thiện được mâu thuẫn. Từ cuối năm 2020 chị N và anh T không chung sống với nhau nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị N hoàn toàn không quan tâm đến cuộc sống của anh T. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị N phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị N Toàn có 01 con chung là Đoàn Đại V, sinh ngày 20/3/2018. Sau ly hôn chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Ông Đoàn Văn An xác nhận chị N hiện đang nuôi dưỡng cháu V, anh T vì kinh tế khó khăn nên không thể cấp dưỡng nuôi con. Để bảo vệ quyền

và lợi ích của con chưa thành niên cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con khi ly hôn thì việc giao cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đoàn Đại V, anh Đoàn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng;

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 227; **khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238**; Điều 271; Điều 273; Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Đoàn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đoàn Đại V, sinh ngày 20/3/2022, anh Đoàn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2022/0000932 ngày 27/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V tỉnh Yên Bái, chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã B,
- Lưu HS.

Lưu Hoa Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Hoa Quỳnh

